

Số: **91** /BC-STC

Tuyên Quang, ngày **12** tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương quý I năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hiện hành hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 11 về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Sở Tài chính trân trọng báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương quý I năm 2021, như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước: (Có Biểu số 60/CK-NSNN kèm theo)

1.1. Tổng thu NSNN trên địa bàn: 710.730 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu nội địa: 699.505 triệu đồng.

1.2. Ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 646.457 triệu đồng.

Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh quý I năm 2021 đạt 28,8% dự toán HĐND tỉnh giao, đạt 17,8% mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra; Thu nội địa đạt 29,3% dự toán, trong đó thu NSDP được hưởng theo phân cấp đạt 30,2% dự toán.

Một số khoản thu đảm bảo tiến độ trong quý I như: Thu từ khu vực DNNN địa phương quản lý; thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; thuế thu nhập cá nhân; thu phí lệ phí và thu tiền sử dụng đất.

Một số khoản thu đạt thấp so với dự toán như: Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý; Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Thuế bảo vệ môi trường; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản... Nguyên nhân: Diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 ngay từ những tháng đầu năm làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất – kinh doanh của các doanh nghiệp. Một số khoản thu từ đất (tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp) chưa đến kỳ thu vào NSNN nên kết quả thu còn thấp so với dự toán được giao.

2. Chi ngân sách: (Có Biểu số 61/CK-NSNN kèm theo)

*** Tổng chi ngân sách: : 2.650.297 triệu đồng.**

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển : 1.328.890 triệu đồng.

- Chi thường xuyên : 1.140.164 triệu đồng.

- Chi từ nguồn BSMT NSTW cho NSDP: 169.906 triệu đồng.

Chi đầu tư phát triển: Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư năm 2021 tại Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 phê duyệt vốn đầu tư ngân sách trung ương năm 2021 và Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 phê duyệt vốn đầu tư ngân sách địa phương năm 2021, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành, đơn vị và các huyện, thành phố triển khai tổ chức thực hiện ngay từ đầu năm, đồng thời tích cực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án và tiến độ giải ngân vốn đầu tư năm 2021. Thực hiện chi chuyển nguồn năm 2020 đối với nguồn vốn đầu tư thực hiện các chương trình, dự án theo đúng quy định và tập trung thanh toán vốn kéo dài ngay từ đầu năm.

Chi thường xuyên: Về cơ bản ngân sách địa phương đáp ứng đầy đủ các nội dung chi đã được bố trí trong dự toán được duyệt cho các cơ quan, đơn vị. Đảm bảo kinh phí để chi lương, phụ cấp, trợ cấp cho cán bộ công nhân viên chức trong dịp Tết nguyên đán Tân Sửu. Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ tiền lương và các khoản có tính chất như lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) ngay từ đầu năm. Thực hiện nghiêm túc Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 quy định về cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Sở Tài chính đã tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trên địa bàn như: Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị cho công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Kinh phí hỗ trợ thiết hại do dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn các huyện, thành phố; Kinh phí hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn; Kinh phí hỗ trợ tổ chức Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập huyện Lâm Bình ...

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương quý I năm 2021. Sở Tài chính trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên (Báo cáo);
- Công báo Tuyên Quang (Công khai);
- Website Sở Tài chính (Công khai);
- Lưu: VT, QLNS (Hiện.04).

GIÁM ĐỐC



Hà Trung Kiên

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 91 /BC-STC ngày 12 /4/2021 của Sở Tài chính)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM (Triệu đồng)	THỰC HIỆN QUÝ I (Triệu đồng)	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.470.000	710.730	28,8%	142%
I	Thu cân đối NSNN	2.470.000	500.758	20,3%	142%
1	Thu nội địa	2.390.000	699.505	29,3%	147%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	80.000	9.662	12,1%	46%
4	Thu viện trợ	-	-		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	8.380.745	2.650.297	31,6%	104%
I	Chi cân đối NSDP	7.056.186	2.480.391	35,2%	96%
1	Chi đầu tư phát triển	935.917	1.328.890	142,0%	77%
2	Chi thường xuyên	5.983.696	1.140.164	19,1%	105%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.700			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200			
5	Dự phòng ngân sách	133.673	11.336	8,5%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.324.559	169.906	12,8%	54%
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	9.200			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	9.200			

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số **91** /BC-STC ngày **12** /4/2021 của Sở Tài chính)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM (Triệu đồng)	THỰC HIỆN QUÝ I (Triệu đồng)	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.470.000	710.730	28,8%	141,9%
I	Thu nội địa	2.390.000	699.505	29,3%	146,6%
1	Thu từ khu vực DNNN	403.000	97.191	24,1%	144,9%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	20.000	3.992	20,0%	180,2%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	610.000	219.181	35,9%	155,8%
4	Thuế thu nhập cá nhân	84.000	37.057	44,1%	105,4%
5	Thuế bảo vệ môi trường	290.000	67.415	23,2%	132,2%
6	Lệ phí trước bạ	130.000	38.904	29,9%	127,7%
7	Thu phí, lệ phí	69.000	20.816	30,2%	114,1%
8	Các khoản thu về nhà, đất	622.500	184.053	29,6%	209,0%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	1.500	92	6,1%	58,9%
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	401.000	164.881	41,1%	210,5%
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	220.000	19.080	8,7%	213,9%
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	44.500	4.179	9,4%	24,7%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	1.000			
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	22.000	5.022	22,8%	75,0%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	4.000	627	15,7%	146,5%
13	Thu khác ngân sách	90.000	21.068	23,4%	103,0%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	80.000	9.662	12,1%	45,6%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu		8.658		
2	Thuế xuất khẩu		757		
3	Thuế nhập khẩu		247		
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu				
6	Thu khác				

STT	NỘI DUNG SỐ TÀI CHÍNH	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	2.144.000	646.457	30,2%	151,6%
1	Từ các khoản thu phân chia	247.500	58.867	23,8%	109,9%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.896.500	587.590	31,0%	157,5%

THỰC HIỆN CHẾ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số **91** /BC-STC ngày **12** /4/2021 của Sở Tài chính)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM (Triệu đồng)	THỰC HIỆN QUÝ I (Triệu đồng)	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	8.380.745	2.650.297	31,6%	132,4%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	7.056.186	2.480.391	35,2%	147,1%
I	Chi đầu tư phát triển	935.917	1.328.890	142,0%	226,1%
1	Chi đầu tư cho các dự án	815.617	1.323.644	162,3%	226,1%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		500		
3	Chi đầu tư phát triển khác	120.300	4.746	3,9%	
II	Chi thường xuyên	5.983.696	1.140.164	19,1%	106,6%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.507.068	488.221	19,5%	101,1%
2	Chi khoa học và công nghệ	16.909	810	4,8%	68,6%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	586.272	217.213	37,0%	215,2%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	104.788	12.953	12,4%	90,4%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	36.600	6.239	17,0%	52,5%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	1.900	1.930		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	107.706	12.223	11,3%	129,2%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	850.238	19.661	2,3%	33,8%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.382.320	281.655	20,4%	96,3%
10	Chi bảo đảm xã hội	209.712	54.184	25,8%	93,0%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.700		0,0%	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200		0,0%	
V	Dự phòng ngân sách	133.673	11.336	8,5%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.324.559	169.906	12,8%	53,8%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		-		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.321.089	169.906	12,9%	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	3.470	-		